



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CDIO**

NGÀNH TOÁN GIẢI TÍCH

MỤC LỤC

!	
1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT.....	3
2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	3
3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	3
4. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH	4
5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH.....	5
6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	5

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo quyết định số 236/QĐ-ĐHĐL ngày 05 tháng 4 năm 2016
của Hiệu Trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Ngành đào tạo	: TOÁN GIẢI TÍCH
Mã ngành	: 60460102
Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ
Hình thức đào tạo	: Giáo dục chính quy
Phương thức đào tạo	: Học chế tín chỉ
Định hướng đào tạo	: Định hướng nghiên cứu và ứng dụng
Thời gian đào tạo	: 2 năm
Khối lượng kiến thức	: 60 tín chỉ

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Đại học Đà Lạt.

3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Toán học nhằm giúp học viên bổ sung, nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; vận dụng các kiến thức toán học được trang bị vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

Mục tiêu cụ thể

Học viên tốt nghiệp chương trình Toán giải tích có các năng lực sau:

- M01: Có kiến thức chung về khoa học tự nhiên, kinh tế, chính trị, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo để đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của xã hội, cộng đồng.
- M02: Có kiến thức chuyên sâu về toán học và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp giúp đủ năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề liên quan đến toán học, ứng dụng toán học vào các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kinh tế xã hội.
- M03: Có kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; làm việc nhóm; có năng lực độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học; hình thành ý

tương khoa học; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy; ứng dụng kết quả nghiên cứu vào việc thực hiện các hoạt động cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế cơ quan.

- M04: Học viên được đào tạo có thể làm việc tại các viện nghiên cứu Toán, trường đại học, cao đẳng, các Trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng kiến thức toán và năng lực tư duy toán học; có thể tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Cơ hội việc làm

Học viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông, hoặc làm việc tại các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất và kinh doanh cần đến các kiến thức toán và năng lực tư duy toán học, có thể tham gia chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ.

4. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH

Học viên tốt nghiệp từ chương trình Toán giải tích có các năng lực sau:

- C01: Khả năng nghiên cứu và giảng dạy toán.
- C02: Khả năng thuyết trình, báo cáo tại các seminar, hội thảo, hội nghị.
- C03: Khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong khoa học kỹ thuật và xã hội.
- C04: Khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ xã hội, cộng đồng.
- C05: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, nghiên cứu khoa học.
- C06: Khả năng làm việc độc lập.
- C07: Khả năng phối hợp nghiên cứu khoa học và làm việc nhóm.
- C08: Khả năng nhận biết và thực hiện các trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc các phần kiến thức và phân bố các tín chỉ trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

Các khối kiến thức		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
A – Kiến thức chung		7	3	4
A1	Triết học	3	3	0
A2	Anh văn	4	0	4
B – Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		43	25	18
B1	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao	12	12	0
B2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	27	9	18
B3	Đồ án/Tiểu luận	4	4	0
C – Kiến thức quản lý và kinh tế		3	0	3
C1	Kiến thức quản lý và kinh tế	3	0	3
D – Luận văn		7	7	0
Tổng cộng		60	35	25

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Các học phần		Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
A - Kiến thức chung		7		
TR6001	Triết học	3	3	0
NN6001	Anh văn	4	2	2
B - Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		43		
B1	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao	12		
GT6101	Đại số	3	2	1
GT6102	Giải tích hàm	3	2	1
GT6103	Giải tích trên đa tạp	3	2	1
GT6104	Tô pô	3	2	1
B2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	27		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	9		
GT6201	Giải tích lồi	3	2	1
GT6202	Giải tích vi phân	3	2	1
GT6203	Lý thuyết hàm giải tích	3	2	1
	<i>Các học phần tự chọn (chọn trong DS sau)</i>	18		
	<i>Hướng toán lý thuyết</i>			
GT6204	Kỳ dị đường cong phẳng	3	2	1
GT7201	Giải tích tiệm cận	3	2	1
GT7202	Hình học đại số	3	2	1
GT7203	Hình học giải tích thực	3	2	1
GT7204	Hình học giải tích phức	3	2	1
GT7205	Chuyên đề Toán lý thuyết 1	3	2	1
GT7206	Chuyên đề Toán lý thuyết 2	3	2	1
	<i>Hướng toán ứng dụng</i>			

GT6205	Giải tích đa trị	3	2	1
GT7207	Tối ưu lồi	3	2	1
GT7208	Qui hoạch phi tuyến	3	2	1
GT7209	Giải tích hàm phi tuyến	3	2	1
GT7210	Chuyên đề Toán ứng dụng 1	3	2	1
GT7211	Chuyên đề Toán ứng dụng 2	3	2	1
GT7212	Chuyên đề Toán ứng dụng 3	3	2	1
B4	Đồ án/Tiểu luận	4	1	3
GT7220	Đồ án	4	1	3
C – Kiến thức quản lý và kinh tế		3		
	<i>Các học phần tự chọn (chọn trong DS sau)</i>	<i>3</i>		
QK7401	Lập kế hoạch và quản lý dự án	3	3	0
QK7402	Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo	3	3	0
D – Luận văn		7		
GT7221	Luận văn	7	0	7
Tổng cộng		60		

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SDH

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Đức Hòa

TS. Nguyễn Văn Vinh